

Số: 92 /2019/TT-BTC

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2019

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh

Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Luật thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh

1. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 3. Nguyên tắc tiến hành thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, quản lý thuế

Việc kiểm tra thực tế hàng hóa, giám sát hải quan, quản lý thuế đối với việc hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 và Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 23/05/2015 và Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thực hiện.”

2. Bổ sung Điều 4a như sau:

“Điều 4a. Hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài và cách truy cập

1. Hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài (sau đây gọi tắt là Hệ thống) là hệ thống tích hợp, lưu trữ, trao đổi thông tin liên quan đến việc hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân được quy định tại Thông tư này do Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý và vận hành.

2. Các đối tượng được truy cập và trao đổi thông tin với Hệ thống:

- a) Cơ quan hải quan;
- b) Cơ quan thuế;
- c) Ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài;
- d) Doanh nghiệp được cơ quan thuế công nhận là doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài.

3. Truy cập, trao đổi thông tin qua Hệ thống:

- a) Các đối tượng quy định tại điểm a, điểm c, điểm d khoản 2 Điều này sử dụng tài khoản cơ quan hải quan cấp để truy cập Hệ thống.
- b) Cơ quan thuế thực hiện cung cấp thông tin về doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho Hệ thống theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư này.
- c) Ngay sau khi nhận được thông tin về doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng do cơ quan thuế truyền đến Hệ thống, cơ quan hải quan (Tổng cục

Hải quan) gửi tài khoản và mật khẩu truy cập Hệ thống cho doanh nghiệp qua địa chỉ thư điện tử đã được doanh nghiệp đăng ký.

d) Doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng truy cập Hệ thống và thay đổi mật khẩu truy cập Hệ thống.

đ) Việc truy cập, trao đổi thông tin giữa các đơn vị, tổ chức qua Hệ thống phải đảm bảo đúng thẩm quyền và phải ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.”

3. Khoản 2, khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Đăng ký việc bán hàng đúng địa chỉ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng. Trường hợp điều chỉnh hoặc chấm dứt bán hàng hoàn thuế, phải thực hiện điều chỉnh hoặc chấm dứt theo quy định tại Điều 14 Thông tư này.

6. Căn cứ các thông tin trên hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập xuất cảnh còn giá trị và hàng hoá được mua, doanh nghiệp bán hàng lập hoá đơn kiêm tờ khai hoàn thuế cho hàng hóa quy định tại Điều 11 Thông tư này trên Hệ thống hoặc phần mềm của doanh nghiệp kết nối với Hệ thống, nhập đầy đủ thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 Thông tư này, ký số, truyền các thông tin về hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế theo quy định tại mục II.1 Phụ lục 10 Thông tư này cho cơ quan hải quan, in hóa đơn và giao cho người nước ngoài. Chứng từ in ra có giá trị như chứng từ điện tử.

Trường hợp Hệ thống xảy ra sự cố, doanh nghiệp không truy cập được vào Hệ thống, doanh nghiệp lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 Thông tư này, ký, đóng dấu và giao cho người nước ngoài. Chứng từ in ra là cơ sở để cơ quan hải quan kiểm tra đối chiếu với hàng hóa của người nước ngoài.

Ngay sau khi Hệ thống hoạt động bình thường, doanh nghiệp bán hàng cập nhật các thông tin đã lập tại hóa đơn giấy vào Hệ thống như trường hợp lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế trên Hệ thống. Hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế được cập nhật trên Hệ thống phải đảm bảo trùng khớp về số, ký hiệu, nội dung thể hiện trên hóa đơn giấy.

7. In, phát hành, quản lý và sử dụng hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế điện tử theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư này.

8. Được cấp tài khoản truy cập và tham gia vào Hệ thống theo quy định tại Điều 4a Thông tư này.”

4. Khoản 9 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“9. Được cấp tài khoản truy cập và tham gia vào Hệ thống theo quy định tại Điều 4a Thông tư này.”

5. Sửa đổi khoản 4, khoản 5, khoản 7 và bổ sung khoản 7a Điều 8 như sau:

“4. Tổng cục Hải quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị của ngân hàng thương mại, trình Bộ Tài chính lựa chọn Ngân hàng thương mại làm đại lý hoàn thuế theo đúng quy định tại Điều 15 Thông tư này và tiếp nhận hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, trình Bộ Tài chính lựa chọn sân bay, cảng biển quốc tế áp dụng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài đảm bảo hiệu quả kinh tế, đáp ứng yêu cầu quản lý.

5. Cập nhật thông tin theo các chỉ tiêu quy định tại mục II.2 Phụ lục 10 Thông tư này vào Hệ thống.

7. Xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống theo quy định tại Điều 4a Thông tư này. Trường hợp Hệ thống xảy ra sự cố, cơ quan hải quan thông báo theo mẫu ban hành kèm theo Phụ lục 11 Thông tư này trên Trang thông tin điện tử hải quan (www.customs.gov.vn) để các đơn vị có liên quan biết.

7a. Ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo, cơ quan hải quan thông báo bằng văn bản với Cục thuế quản lý doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp không lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế theo mẫu ban hành kèm theo Phụ lục 3 Thông tư này trên Hệ thống hoặc lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế nhưng không truyền đến Hệ thống trừ trường hợp Hệ thống xảy ra sự cố theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư này;

b) Doanh nghiệp lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế với các thông tin không đầy đủ, chính xác theo quy định tại Phụ lục 3 Thông tư này hoặc không đầy đủ, chính xác, khớp đúng với hàng hóa thực tế;

c) Doanh nghiệp vi phạm các quy định về việc hoàn thuế giá trị gia tăng tại Thông tư này.”

6. Sửa đổi khoản 2, khoản 8 và bổ sung khoản 2a Điều 9 như sau:

“2. Tiếp nhận hồ sơ, lựa chọn doanh nghiệp bán hàng theo đúng quy định tại Điều 13 Thông tư này. Thực hiện công khai Danh sách doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và Cục thuế nơi công nhận doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất là đầu giờ ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày ban hành văn bản công nhận doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Điều 13 Thông tư này; đồng thời ký số và truyền thông tin về doanh

ngành bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng quy định tại mục II.4 Phụ lục 10 Thông tư này đến Hệ thống theo phương thức điện tử.

2a. Ngay sau khi nhận được thông tin của cơ quan hải quan về doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định tại khoản 7 Điều 8 Thông tư này, cơ quan thuế có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu thông tin và xử lý theo quy định.

Trường hợp doanh nghiệp bán hàng không lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế theo mẫu ban hành kèm theo Phụ lục 3 Thông tư này trên Hệ thống hoặc lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế nhưng không truyền đến Hệ thống thì trên cơ sở thông tin của cơ quan hải quan cung cấp, cơ quan thuế lập biên bản vi phạm. Trường hợp doanh nghiệp bán hàng không lập hóa đơn theo Phụ lục 3 hoặc lập nhưng không truyền đến Hệ thống lần thứ hai thì cơ quan thuế thực hiện xử phạt hành chính về thuế, hóa đơn (nếu có hành vi vi phạm về thuế, hóa đơn), đồng thời xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư này.

8. Tham gia, kết nối vào Hệ thống theo quy định tại Điều 4a Thông tư này.”

7. Khoản 2 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Định kỳ tháng, năm, Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh đối chiếu, xác nhận báo cáo kế toán hoàn thuế giá trị gia tăng với cơ quan thuế đồng cấp theo quy định.”

8. Khoản 1, khoản 5 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Hàng hóa không thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu; Danh mục hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép của Bộ Công Thương hoặc Danh mục hàng hóa xuất khẩu thuộc diện quản lý chuyên ngành quy định tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn Nghị định này.

5. Hàng hoá mua tại doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng, chưa qua sử dụng, còn nguyên đai, nguyên kiện khi mua hàng, có hoá đơn kiêm tờ khai hoàn thuế được lập trong thời gian tối đa 60 (sáu mươi) ngày tính đến ngày người nước ngoài xuất cảnh.”

9. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 13. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục lựa chọn doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng

1. Để được lựa chọn là doanh nghiệp bán hàng, doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, có đăng ký bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng, kinh doanh các mặt hàng được hoàn thuế theo quy định tại Điều 11 Thông tư này tại một trong các địa điểm sau đây:

- Trụ sở chính của doanh nghiệp;
- Chi nhánh, cửa hàng của doanh nghiệp;
- Địa điểm đặt đại lý bán hàng cho doanh nghiệp.

b) Thực hiện chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật; kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

c) Cam kết tham gia vào Hệ thống theo quy định tại Điều 4a Thông tư này.

2. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế:

a) Công văn đăng ký tham gia bán hàng theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 Thông tư này;

b) Hợp đồng bán hàng đại lý ký giữa doanh nghiệp đăng ký bán hàng với cửa hàng bán hàng đại lý cho doanh nghiệp (đối với trường hợp là cửa hàng đại lý bán hàng cho doanh nghiệp): 01 bản chụp có đóng dấu xác nhận “sao y” của doanh nghiệp.

3. Thủ tục chọn doanh nghiệp:

a) Doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp đăng ký bán hàng hoàn thuế tại chi nhánh, cửa hàng của doanh nghiệp khác tỉnh, thành phố với trụ sở chính thì chi nhánh, cửa hàng gửi hồ sơ đăng ký đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp chi nhánh, cửa hàng của doanh nghiệp;

b) Cơ quan thuế quản lý trực tiếp doanh nghiệp tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ có văn bản thông báo cho doanh nghiệp bổ sung hồ sơ;

- Nếu hồ sơ không đáp ứng điều kiện quy định, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ có văn bản trả lời cho doanh nghiệp;

- Nếu hồ sơ đầy đủ, đáp ứng các điều kiện quy định, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính có văn bản công nhận theo mẫu ban hành kèm theo Phụ lục 2 Thông tư này và gửi cho doanh nghiệp (đối với trường hợp cơ quan thuế quản lý trực tiếp doanh nghiệp là Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) hoặc Chi cục thuế gửi hồ sơ đề nghị Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính có văn bản công nhận doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng (đối với trường hợp cơ quan thuế quản lý trực tiếp doanh nghiệp là Chi cục thuế). Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Chi cục thuế, Cục Thuế tỉnh,

thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính có văn bản công nhận theo mẫu ban hành kèm theo Phụ lục 2 Thông tư này và gửi cho doanh nghiệp.”

10. Khoản 3 Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Trường hợp doanh nghiệp vi phạm các quy định về việc hoàn thuế giá trị gia tăng, tùy hành vi và mức độ vi phạm, Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xử lý theo quy định. Trường hợp doanh nghiệp bị lập biên bản đến lần thứ hai về hành vi không lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế theo mẫu ban hành kèm theo Phụ lục 3 Thông tư này hoặc lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế nhưng không truyền đến Hệ thống, ngoài việc xử lý vi phạm hành chính (nếu có), Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định chấm dứt việc bán hàng hoàn thuế, truyền thông tin đến Hệ thống theo phương thức điện tử, đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Cục Thuế và Tổng cục Thuế.”

11. Khoản 2, khoản 3 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Thủ tục lựa chọn:

Ngân hàng thương mại nộp cho Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) các giấy tờ sau đây:

a) Công văn đăng ký tham gia đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài, có các thông tin về chữ ký số của ngân hàng thương mại bao gồm số định danh chứng thư số, tên đơn vị cung cấp dịch vụ chứng thư số, tên người được cấp chứng thư số, ngày hiệu lực, ngày hết hiệu lực, khóa công khai;

b) Văn bản của Ngân hàng Nhà nước cấp cho ngân hàng thương mại được hoạt động ngoại hối và cung ứng dịch vụ ngoại hối: 01 bản chụp có đóng dấu xác nhận “sao y” của ngân hàng thương mại.

3. Tổng cục Hải quan tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ do ngân hàng thương mại gửi.

a) Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ có văn bản thông báo cho ngân hàng bổ sung hồ sơ;

b) Nếu hồ sơ không đáp ứng điều kiện quy định, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ có văn bản trả lời cho ngân hàng;

c) Nếu hồ sơ đầy đủ, đáp ứng các điều kiện quy định, trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) có văn bản thông báo ngân hàng thương mại đủ điều kiện tham gia đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng và cấp tài khoản truy cập Hệ thống cho ngân hàng thương mại.”

12. Khoản 1 Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế lập, sử dụng hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư này.

Việc in, phát hành, quản lý và sử dụng hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về hóa đơn và các văn bản hướng dẫn thi hành.”

13. Khoản 2 Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Cơ quan hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa tại quầy kiểm tra hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế, hàng hóa. Việc kiểm tra thực hiện như sau:

a) Đối chiếu xác định từng nội dung khớp đúng giữa thông tin ghi trên hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập xuất cảnh với thông tin trên hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế; thông tin hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế trên Hệ thống do doanh nghiệp bán hàng nhập và các quy định về hàng hoá được hoàn thuế quy định tại Điều 11 Thông tư này;

b) Kiểm tra thực tế hàng hóa đối với hàng hoá phải kiểm tra thực tế theo nguyên tắc quản lý rủi ro.

Trường hợp hàng hóa xuất trình không phù hợp với mô tả hàng hóa tại hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế nêu tại Phụ lục 10 Thông tư này hoặc hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế ghi không đầy đủ thông tin theo quy định hoặc hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế không có trên Hệ thống (trừ trường hợp Hệ thống xảy ra sự cố) thì cơ quan hải quan trao đổi, xác minh với doanh nghiệp bán hàng. Trường hợp thông tin trao đổi với doanh nghiệp bán hàng không khớp đúng với thông tin hàng hóa, hóa đơn và hộ chiếu thì cơ quan hải quan từ chối hoàn thuế;

c) Ghi kết quả kiểm tra, đóng dấu đồng ý hoàn thuế hay từ chối hoàn thuế. Trường hợp cơ quan hải quan đồng ý hoàn thuế thì xác định mặt hàng, tính số tiền thuế giá trị gia tăng người nước ngoài thực tế được hoàn theo quy định tại Điều 12 Thông tư này;

d) Cập nhật thông tin quy định tại mục II.2 Phụ lục 10 Thông tư này vào Hệ thống, ký số.

Trường hợp, Hệ thống xảy ra sự cố, cơ quan hải quan ký, đóng dấu xác nhận đồng ý hoàn thuế hay từ chối hoàn thuế vào hoá đơn kiêm tờ khai hoàn thuế.”

14. Khoản 2 Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Ngân hàng thương mại thực hiện:

a) Kiểm tra thẻ lên tàu bay/tàu biển; hoá đơn kiêm tờ khai hoàn thuế; kiểm tra trên Hệ thống thông tin về người xuất cảnh, hàng hóa, xác nhận đồng ý hoàn thuế của cơ quan hải quan và số thuế được hoàn.

Trường hợp thông tin về tên hành khách trên thẻ lên tàu bay/tàu biển không đúng với thông tin trên hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế đã được cơ quan hải quan kiểm tra, xác nhận thì ngân hàng thương mại trao đổi, xác minh với cơ quan hải quan. Trường hợp, thông tin trao đổi với cơ quan hải quan không khớp đúng với thông tin trên thẻ lên tàu bay/tàu biển thì ngân hàng thương mại từ chối hoàn thuế và thông báo trên Hệ thống để cơ quan hải quan biết;

b) Cập nhật thông tin số hiệu, ngày tháng chuyến bay/chuyến tàu của người nước ngoài và các thông tin khác quy định tại mục II.3 Phụ lục 10 Thông tư này vào Hệ thống hoặc trên phần mềm của ngân hàng thương mại kết nối với Hệ thống, ký số và truyền cho cơ quan hải quan;

c) Trả tiền hoàn thuế cho người nước ngoài bằng tiền mặt hoặc qua thẻ quốc tế của người nước ngoài theo số tiền thuế giá trị gia tăng người nước ngoài thực tế được hoàn do cơ quan hải quan tính ghi trên hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế.

Trường hợp trả tiền hoàn thuế cho người nước ngoài qua thẻ quốc tế, ngân hàng đối chiếu thông tin (tên, số thẻ) người nước ngoài đăng kí nhận tiền hoàn thuế và thẻ thực tế xuất trình để thực hiện việc hoàn thuế.

Trường hợp, Hệ thống xảy ra sự cố, ngân hàng thương mại căn cứ hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế giấy và xác nhận của cơ quan hải quan theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 19 Thông tư này, thực hiện hoàn trả tiền thuế cho người nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều này, đồng thời ký tên, đóng dấu xác nhận đã thanh toán tiền hoàn thuế cho người nước ngoài lên hoá đơn kiêm tờ khai hoàn thuế.

Ngay sau khi Hệ thống hoạt động bình thường, ngân hàng thương mại cập nhật các thông tin hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế đã hoàn thuế trên Hệ thống hoặc phần mềm của ngân hàng thương mại kết nối với Hệ thống, ký số và truyền cho cơ quan hải quan;

d) Trả lại người nước ngoài thẻ lên tàu bay/tàu biển;

đ) Lưu trữ hồ sơ hoàn thuế đối với chứng từ điện tử và chứng từ giấy theo quy định của pháp luật.”

15. Điều 21 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 21. Thanh toán, hoàn trả số tiền thuế đã ứng trước, tiền phí dịch vụ hoàn thuế giá trị gia tăng

1. Định kỳ tối đa năm (5) ngày làm việc một lần, ngân hàng thương mại căn cứ tình hình thực tế, lập hồ sơ đề nghị thanh toán, hoàn trả số tiền thuế đã ứng trước, tiền phí dịch vụ hoàn thuế được hưởng trên Hệ thống và gửi Cục Thuế nơi

Ngân hàng thương mại đăng ký, khai thuế, Cục Hải quan địa phương nơi Ngân hàng thương mại thực hiện việc hoàn thuế. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị thanh toán số tiền thuế đã ứng trước, tiền phí dịch vụ hoàn thuế của kỳ thanh toán theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 Thông tư này;

b) Bảng kê đề nghị thanh toán theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 Thông tư này.

2. Trong thời hạn tối đa hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị thanh toán của ngân hàng thương mại, căn cứ thông tin xác nhận hoàn thuế do cơ quan hải quan cung cấp theo đường điện tử, Cục Thuế nơi Ngân hàng thương mại đăng ký, khai thuế ban hành Quyết định thanh toán theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 Thông tư này đồng thời lập Lệnh hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28/07/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán Ngân sách Nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước trong trường hợp đủ điều kiện hoàn thuế, gửi Ngân hàng thương mại, Kho bạc Nhà nước đồng cấp để thực hiện chuyển tiền cho ngân hàng thương mại.

3. Căn cứ Quyết định thanh toán và Lệnh hoàn trả do Cục Thuế ban hành, Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho ngân hàng thương mại theo quy định tại Thông tư 99/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016 và Thông tư số 31/2017/TT-BTC ngày 18/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng.

4. Việc hạch toán và luân chuyển chứng từ thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 99/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 31/2017/TT-BTC ngày 18/4/2017 và khoản 3 Điều 59 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.”

16. Khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 23 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Chậm nhất là ngày 20 của tháng tiếp theo của quý phát sinh nghĩa vụ thuế, doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế báo cáo cơ quan thuế quản lý trực tiếp về việc bán hàng cho người nước ngoài theo mẫu tại Phụ lục 9 Thông tư này và theo quy định do Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế ban hành.

3. Định kỳ hàng tháng, chậm nhất vào ngày 10 của tháng sau, Cục Thuế nơi Ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bán hàng đăng ký, khai thuế chủ trì phối hợp với Kho bạc Nhà nước đối chiếu số tiền hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này; phối hợp với Cục Hải quan đồng cấp rà soát, đối chiếu số tiền thuế giá trị gia tăng doanh nghiệp bán hàng đã kê khai hoặc đã nộp, tiền thuế giá trị gia tăng và tiền phí dịch vụ hoàn thuế đã thanh toán cho ngân hàng

thương mại để đảm bảo khớp đúng số liệu giữa các bên. Trường hợp số liệu không khớp đúng, các cơ quan phối hợp tìm nguyên nhân và xử lý bảo đảm việc hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo đúng quy định.

4. Cục Thuế nơi Ngân hàng thương mại đăng ký, khai thuế tổng hợp báo kết quả và tình hình thanh toán, hoàn trả tiền thuế đã ứng trước, tiền phí dịch vụ hoàn thuế cho ngân hàng thương mại; các Cục thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo kết quả, tình hình bán hàng cho người nước ngoài của doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế theo địa bàn quản lý với Tổng cục Thuế theo quy định do Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế ban hành.”

17. Các Phụ lục được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Thay thế Phụ lục 1 Thông tư số 72/2014/TT-BTC bằng Phụ lục 1 Thông tư này; Phụ lục 2 Thông tư số 72/2014/TT-BTC bằng Phụ lục 2 Thông tư này; Phụ lục 3 Thông tư số 72/2014/TT-BTC bằng Phụ lục 3 Thông tư này; Phụ lục 7 Thông tư số 72/2014/TT-BTC bằng Phụ lục 7 Thông tư này, Phụ lục 8 Thông tư số 72/2014/TT-BTC bằng Phụ lục 8 Thông tư này.

b) Bổ sung Phụ lục 10, Phụ lục 11 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Các nội dung bãi bỏ

1. Bãi bỏ khoản 5 Điều 10, khoản 4 Điều 15, khoản 5 Điều 18 Thông tư số 72/2014/TT-BTC.

2. Bãi bỏ Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 72/2014/TT-BTC.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các doanh nghiệp đã được cơ quan thuế công nhận là doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục hoạt động và phải bổ sung thông tin chữ ký số theo mẫu ban hành kèm theo Phụ lục 8 Thông tư này (trong trường hợp phần mềm kết nối với Hệ thống) hoặc truy cập Hệ thống, thay đổi mật khẩu (trong trường hợp sử dụng truy cập trực tiếp Hệ thống để in hóa đơn).

2. Chậm nhất trước tháng 6 năm 2020, Tổng cục Hải quan căn cứ thông tin về doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng do cơ quan thuế cung cấp cho Hệ thống, gửi thông tin tài khoản và mật khẩu truy cập Hệ thống cho doanh nghiệp qua địa chỉ thư điện tử đã được doanh nghiệp đăng ký.

3. Khi Nghị định hướng dẫn về hóa đơn điện tử theo quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 có hiệu lực thi hành thì hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế sẽ thực hiện theo quy định của Nghị định này và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2020.

2. Quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. /.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ; các Phó TTCP;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án Nhân dân Tối cao;
- Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Website Tổng cục Hải quan;
- Lưu: VT; TCHQ (70).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Vũ Thị Mai

Phụ lục 1*(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)***TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**V/v Đăng ký bán hàng hoàn
thuế giá trị gia tăng

....., ngày..... tháng... năm 20...

Kính gửi: Cục Thuế/Chi cục Thuế.....

Tên doanh nghiệp:(1).....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:..... (1).....

Số điện thoại..... ; Số Fax:..... Email.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy
chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh: Số..... Ngày cấp Nơi cấp.....Ngành nghề kinh doanh:.....(chỉ kê ngành nghề kinh doanh liên quan đến
việc đăng ký cửa hàng bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng)Nay,.....(1)..... đăng ký bán hàng hoàn thuế giá trị
gia tăng cho người nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC
ngày 30/5/2014, Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 sửa đổi, bổ sung
Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, tại các
địa điểm sau:

STT	Tên chi nhánh/cửa hàng/cửa hàng đại lý (2)	Mã số thuế	Địa chỉ	Thông tin chữ ký số (3)	Cơ quan thuế quản lý trực tiếp chi nhánh/cửa hàng/cửa hàng đại lý
1	2	3	4	5	6

.....(1) cam kết kinh doanh bán hàng hoàn thuế tại các địa điểm
nêu trên, lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế trên Hệ thống khi bán hàng hoặc
chuyển dữ liệu hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế đã lập đến Hệ thống và chịu trách
nhiệm trước pháp luật về cam kết này......(1)..... kính đề nghị Cục Thuế/Chi cục Thuế..... công
nhận(1) là doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho
người nước ngoài xuất cảnh.**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu : VT,...(...b)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP*(ký tên, đóng dấu)***Ghi chú:** (1) Ghi tên, địa chỉ doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp đăng ký;

(2) Ghi tên chi nhánh/ cửa hàng của doanh nghiệp/cửa hàng đại lý;

(3) Ghi chi tiết theo các thông tin sau: số định danh chứng thư số, tên đơn vị cung cấp dịch vụ chứng
thư số, tên người được cấp chứng thư số, ngày hiệu lực, ngày hết hiệu lực, khóa công khai Trường hợp các địa
điểm bán hàng đều dùng chung một chữ ký số thì chỉ phải ghi một lần;(4) Trường hợp doanh nghiệp đăng ký điểm bán hàng cho chi nhánh, cửa hàng, cửa hàng đại lý thì gửi
cho cơ quan thuế nơi quản lý chi nhánh, cửa hàng, cửa hàng đại lý 01 bản để biết và thực hiện

Phụ lục 2*(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)***TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ...****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CT-

Hà Nội, ngày tháng năm

V/v công nhận doanh nghiệp bán
hàng hoàn thuế GTGT

Kính gửi:(1).....

Cục Thuế(2).....nhận được công văn số của ... (1).... đề nghị được tham gia bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá của người nước ngoài mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh. Sau khi xem xét hồ sơ.....(1)..... gửi, Cục Thuế...(2)... có ý kiến như sau:

- Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 3 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013;

- Căn cứ Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Luật thuế giá trị gia tăng;

- Căn cứ Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

- Căn cứ Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Cục Thuế ... (2).... công nhận (1).....; Mã số thuế..... địa chỉ tại.....(3) là doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá của người nước ngoài mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh.

Danh sách địa điểm bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài như sau:

STT	Tên chi nhánh/cửa hàng/cửa hàng đại lý	Mã số thuế	Địa chỉ	Thông tin chữ ký số (4)	Cơ quan thuế quản lý trực tiếp chi nhánh/cửa hàng/cửa hàng đại lý
1	2	3	4	5	6

Tổng cục Hải quan sẽ cấp tài khoản truy cập Hệ thống quản lý hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài cho (1)... vào địa chỉ email của doanh nghiệp đã đăng ký với Cục Thuế...(2)

Sau khi cấp tài khoản truy cập vào Hệ thống quản lý hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài (1)..... truy cập Hệ thống, xác nhận thông tin với cơ quan hải quan, thay đổi mật khẩu truy cập Hệ thống và nhập thông tin việc bán hàng hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài vào Hệ thống đồng thời thực hiện đúng quy định về việc bán hàng hoàn thuế theo quy định tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC, Thông tư số 92/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký bán hàng hoàn thuế.

Cục Thuế...(2)... thông báo đề(1)..... biết ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Tổng cục Thuế, TCHQ (để báo cáo);
- Chi Cục Thuế.....;
- Lưu: VT, ...(...b)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Ghi tên doanh nghiệp đăng ký bán hàng hoàn thuế;

(2) Ghi tên Cục thuế địa phương lựa chọn và công nhận doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế;

(3) Ghi tên, địa chỉ của doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế;

(4) Ghi chi tiết theo các thông tin sau: số định danh chứng thư số, tên đơn vị cung cấp dịch vụ chứng thư số, tên người được cấp chứng thư số, ngày hiệu lực, ngày hết hiệu lực, khóa công khai. Trường hợp các địa điểm bán hàng đều dùng chung một chữ ký số thì chỉ phải ghi một lần.

Phụ lục 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Appendix 3 (issued with Circular No 92/2019/TT-BTC dated 31/12/2019 by Minister of Finance)

Trang 1 (Page 1)

Mẫu số (Form No):

Ký hiệu (Reference No):

Số (No):

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG KIỂM TỜ KHAI HOÀN THUẾ
(VAT INVOICE CUM TAX REFUND DECLARATION)**

.....ngày.....tháng.....năm.....(.....day month year.....)

PHẦN A (do cửa hàng ghi) PART A (completed by retailer)								
1. Thông tin về doanh nghiệp (Company's information)								
a. Tên đơn vị bán hàng (Name of retailer):								
b. Mã số thuế (Tax code):								
c. Địa chỉ (Address):								
2. Thông tin về khách hàng (Tourist's information)								
a. Họ và tên (Full name):								
b. Số hộ chiếu (Passport number)/Giấy tờ nhập xuất cảnh (Entry or exit documents):								
Ngày cấp hộ chiếu (Date of issue)/Giấy tờ nhập xuất cảnh (Entry or exit documents):								
Ngày hết hạn hộ chiếu (Date of expiry)/Giấy tờ nhập xuất cảnh (Entry or exit documents):								
c. Quốc tịch (Nationality):								
3. Thông tin về hàng hoá (Commodities' information)								
STT (No)	Tên hàng hoá (Name of goods) (1)	Đơn vị tính (Unit of measure ment)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thuế suất (Tax rate)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (Amount excluding VAT)	Tiền thuế GTGT (VAT)	Thành tiền có thuế GTGT (Amount including VAT)
1	2	3	4	5	6	7 = 4 x 5	8 = 6 x 7	9 = 7 + 8
1	A							
2	B							
3	C							
...	...							
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total excluding VAT):								
Tổng số tiền thuế GTGT (Total VAT):								
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):								
Số tiền viết bằng chữ (Total payment by word):								
Người nước ngoài mua hàng (Tourist) (Ký, ghi rõ họ tên) (Signature and full name)				Đại diện đơn vị bán hàng (Seller) (Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên) (Signature, stamp (if applicable) and full name)				

Trang 1/2 (page 1/2)

Ghi chú: (1) bao gồm nhãn hiệu, ký hiệu hàng hóa (số seri, model (nếu có), xuất xứ hàng hóa áp dụng đối với hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu, số máy áp dụng đối với mặt hàng cơ khí điện tử.

Note: (1) including trademarks and markings (products' serial, model numbers (if available), origin for imported goods, or engine number for electro-mechanical goods

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG KIỂM TỜ KHAI HOÀN THUẾ
 (VAT INVOICE CUM TAX REFUND DECLARATION)**

.....ngày.....tháng.....năm.....(.....day.....month.....year.....)

Thông tin quan trọng cho người nước ngoài (Important notice to tourists)

- Bạn phải đáp ứng đầy đủ điều kiện tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014; Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 72/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính để được hoàn thuế giá trị gia tăng;

(Tourists must fulfill all the conditions specified in Circular No 72/2014/TT-BTC dated 30/5/2014; Circular No 92/TT-BTC dated 31/12/2019 amending, supplementing the Circular No 72/2014/TT-BTC by the Minister of Finance to be eligible for VAT refund)

- Bạn phải làm thủ tục hoàn thuế trong vòng 60 ngày kể từ ngày mua hàng (kể từ ngày phát hành hoá đơn);
(Tourists must claim for VAT refund within 60 days from the date of purchase (from the date of issuing invoice))

- Bạn được hoàn thuế GTGT khi đi đường hàng không/ đường biển tại sân bay quốc tế/ cảng biển quốc tế.
(Tourists shall claim for VAT refund when departing from International Airport/ International Seaport)

Phần B (Dành cho cơ quan hải quan) (Part B (completed by customs))

Ghi kết quả kiểm tra hoá đơn kiểm tờ khai hoàn thuế, hàng hoá, tính số thuế giá trị gia tăng người nước ngoài được hoàn
(Examination results of VAT refund invoice and declaration, goods; calculation of VAT amount refunded to tourist)

- Kết quả kiểm tra hàng hóa, tính số thuế GTGT được hoàn *(Result of goods examination, calculation of VAT refund amount):*

S TT (No)	Tên hàng (Name of goods)	Số lượng (Quantity)	Số tiền thuế GTGT ghi trên hóa đơn kiểm tờ khai hoàn thuế (VAT amount declared in VAT refund invoice and declaration)	Số tiền thuế GTGT được hoàn theo công thức quy định tại Điều 12 Thông tư số 72/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính (VAT amount refunded to tourist using the formula stated in Article 12 of the Circular 72/2014/TT- BTC of the Minister of Finance)
1	A			
2	B			
3	C			
....			
Tổng cộng (Total)				

.....ngày.....tháng.....năm.....(.....day.....month.....year.....)

Người kiểm tra (Examination officer)

(Ký, đóng dấu công chức, ghi rõ họ tên) (Signature, stamp and full name)

**PHẦN C (Dành cho ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế)
 Part C (completed by commercial bank approved as VAT refund agent)**

- Số hiệu, ngày tháng chuyến bay/chuyến tàu của người nước ngoài xuất cảnh:
(Date and number of the Flight/Ship of the tourist)

- Số tiền thuế hoàn cho người nước ngoài xuất cảnh:
(VAT amount refunded for the tourist)

- Hình thức thanh toán (Payment methods):

+ Tiền mặt (Cash)

+ Qua thẻ quốc tế (Via international card)

++ Số thẻ (6 số đầu và 4 số cuối của thẻ)

Card number (first six and last four digits of a card)

++ Tên thẻ:

(Cardholder name)

.....ngày.....tháng.....năm.....(.....day.....month.....year.....)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) (Signature, stamp and full name)

Phụ lục 7*(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)***CƠ QUAN THUẾ
RA QUYẾT ĐỊNH****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-...

.....ngày.....tháng.....năm...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc thanh toán cho ngân hàng thương mại số tiền đã ứng trước để hoàn trả thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài xuất cảnh và phí dịch vụ hoàn thuế ngân hàng thương mại được hưởng****CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ**

- Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 06 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành các Luật này;
- Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 3 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013;
- Căn cứ Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Luật thuế giá trị gia tăng;
- Căn cứ Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Căn cứ Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Xét đề nghị của Ngân hàng..... tại công văn số... ngày....về việc đề nghị thanh toán tiền đã ứng trước để hoàn trả thuế GTGT cho người nước ngoài xuất cảnh và phí dịch vụ hoàn thuế ngân hàng thương mại được hưởng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thanh toán cho ngân hàng thương mại.....(mã số thuế....), số tài khoản:....., số tiền đã ứng trước để hoàn trả thuế GTGT cho người nước ngoài xuất cảnh và phí dịch vụ hoàn thuế ngân hàng thương mại được hưởng, kỳ đề nghị thanh toán từ ngày...../.../.....đến ngày .../.../... là.....đồng

(bằng chữ:.....), trong đó:

- Số tiền đã ứng trước để hoàn trả thuế GTGT cho người nước ngoài:.....đồng .
- Số tiền phí dịch vụ được hưởng:đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ngân hàng....., ...(Trường các bộ phận có liên quan của cơ quan thuế) và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Kho Bạc Nhà nước (để phối hợp);
- Cục HQ...(để phối hợp);
- Lưu: VT,.....(...b)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
RA QUYẾT ĐỊNH**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 8*(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)***TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng... năm 20...

V/v điều chỉnh việc bán hàng
hoàn thuế GTGT cho
người nước ngoài

Kính gửi: Cục Thuế/Chi cục Thuế.....

Tên doanh nghiệp: (1).....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại..... ; Số Fax:..... Email.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....ngàytháng.....năm....

Cơ quan cấp:.....

Ngành nghề kinh doanh:.....(chỉ kê ngành nghề kinh doanh liên quan đến
việc đăng ký cửa hàng bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng)

Ngày.....doanh nghiệp ...(1) đã được Cục Thuế...(2).....công nhận là doanh
nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá của người nước ngoài
mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh.

Nay, do...(3).....đề nghị Cục Thuếđiều chỉnh/bổ sung:

- Cửa hàng (địa chỉ):.....(4).....

- Đại lý bán hàng cho doanh nghiệp (địa chỉ):.....(4).....

- Kinh doanh các mặt hàng:.....

- Thông tin chữ ký số (5).....

- Số điện thoại..... ; Số Fax:.....; Email.....

Được điều chỉnh việc bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá
của người nước ngoài mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh theo quy định tại
theo quy định tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ
Tài chính.

..... (1) cam kết thực hiệnvà chịu trách nhiệm trước pháp luật
về cam kết này.

.....(1) kính đề nghị Cục Thuế/Chi cục Thuế..... điều
chỉnh(4) doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người
nước ngoài xuất cảnh.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP*(ký tên, đóng dấu)*

*Ghi chú: (1): ghi tên doanh nghiệp đăng ký; (2) Ghi tên Cục thuế đã cấp giấy công nhận doanh nghiệp bán hàng
hoàn thuế; (3): ghi lý do sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh; (4) Ghi nội dung đề nghị điều chỉnh; (5) Ghi chi tiết theo các
thông tin sau: số định danh chứng thư số, tên đơn vị cung cấp dịch vụ chứng thư số, tên người được cấp chứng thư số, ngày
hiệu lực, ngày hết hiệu lực, khóa công khai. Trường hợp các địa điểm bán hàng đều dùng chung một chữ ký số thì chỉ phải ghi
một lần*

Phụ lục 10**DANH MỤC DỮ LIỆU DÙNG CHUNG VÀ CÁC CHỈ TIÊU THÔNG TIN ĐÀU VÀO CỦA HỆ THỐNG HOÀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI, NGƯỜI VIỆT NAM ĐỊNH CƯ Ở NƯỚC NGOÀI***(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)***I. Danh mục dữ liệu dùng chung**

STT	Tên danh mục
1	Cơ quan hải quan
2	Cơ quan thuế
3	Doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng
4	Loại hình xuất cảnh
5	Loại hình nhập cảnh
6	Quốc tịch
7	Thông tin người mua hàng
8	Ngân hàng thương mại làm đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng

II. CÁC CHỈ TIÊU THÔNG TIN HOÀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI, NGƯỜI VIỆT NAM ĐỊNH CƯ Ở NƯỚC NGOÀI

STT	Tên chỉ tiêu	Ghi chú
II.1. Thông tin do doanh nghiệp bán hàng lập		
1	Số hóa đơn	
2	Ký hiệu hóa đơn	
3	Ngày hóa đơn	
5	Tên đơn vị bán hàng	
6	Mã số thuế	
7	Địa chỉ	
8	Số điện thoại	Thông tin này được lấy từ cơ quan thuế.
9	Email	Thông tin này được lấy từ cơ quan thuế.
Thông tin người mua hàng		
10	Số hộ chiếu/ Giấy tờ nhập xuất cảnh	

11	Quốc tịch	
12	Họ và tên	
13	Ngày cấp hộ chiếu	
14	Ngày hết hạn hộ chiếu	
Thông tin hàng hóa		
15	Tên hàng hóa	bao gồm nhãn hiệu, ký hiệu hàng hóa (số seri, model (nếu có), số máy áp dụng đối với mặt hàng cơ khí điện tử.
16	Xuất xứ hàng hóa (đối với hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu)	
17	Đơn vị tính	
18	Số lượng	
19	Đơn giá	
20	Thành tiền	
21	Tổng tiền hàng	
22	Thuế suất	
23	Tiền thuế giá trị gia tăng	
24	Tổng cộng tiền thanh toán	
25	Số tiền bằng chữ	
II.2. Thông tin cán bộ hải quan nhập liệu để xác nhận hóa đơn hoàn thuế		
26	Số lượng hàng hóa người nước ngoài ký gửi	Số lượng hàng hóa người nước ngoài gửi tại khu ký gửi.
27	Số lượng hàng hóa người nước ngoài mang theo vào khu cách ly (xách tay)	

28	Tổng số lượng hàng hoàn thuế	
29	Số tiền người nước ngoài được hoàn	
30	Đối chiếu với thông tin của cơ quan thuế về doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế	
31	Xác nhận hoàn thuế	Chọn 1 trong 2 lựa chọn - Đồng ý hoàn thuế; - Từ chối hoàn thuế.
32	Lý do từ chối hoàn thuế	Nếu chọn “Từ chối hoàn thuế” cần nêu rõ lý do từ chối.
33	Ngày giờ xác nhận hoàn thuế	
34	Nhập âm số tiền hoàn thuế	Trong trường hợp hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế đã được xác nhận hoàn nhưng khách hàng lại mang hàng trở lại Việt Nam.
35	Nước xuất cảnh	
36	Loại hình nhập cảnh	Chọn trong danh mục do Hệ thống cung cấp.
37	Loại hình xuất cảnh	Chọn trong danh mục do Hệ thống cung cấp.
II.3. Thông tin ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế nhập liệu		
38	Nhập số hiệu, ngày tháng chuyến bay/ chuyến tàu của người nước ngoài xuất cảnh	
39	Số tiền thuế hoàn cho người nước ngoài xuất cảnh	
40	Hình thức hoàn thuế	- Tiền mặt - Qua thẻ

41	Ngày giờ hoàn thuế	
42	Tổng số lượng hàng hoàn thuế	
43	Xác nhận hoàn thuế	Chọn 1 trong 2 lựa chọn - Đồng ý hoàn thuế; - Từ chối hoàn thuế.
44	Lý do từ chối hoàn thuế	Nếu chọn “Từ chối hoàn thuế” cần nêu rõ lý do từ chối.
45	Phí dịch vụ hoàn thuế	
II.4. Thông tin do cơ quan thuế cung cấp cho cơ quan hải quan		
46	Thông tin doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài	Chi tiết theo các chỉ tiêu: 1. Thông tin doanh nghiệp: tên doanh nghiệp, mã số thuế, địa chỉ, số điện thoại, số fax, email, ngành nghề kinh doanh, tên người đại diện. 2. Thông tin địa điểm bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng: Tên chi nhánh/cửa hàng, mã số thuế (nếu có), địa chỉ; số, ngày thông báo về việc công nhận bán hàng hoàn thuế của cơ quan thuế; số, ngày thông báo về việc chấm dứt bán hàng hoàn thuế của cơ quan thuế. 3. Thông tin chữ ký số của địa điểm bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng. - Số định danh chứng thư số; - Tên đơn vị cung cấp dịch vụ chứng thư số; - Tên người được cấp chứng thư số; - Ngày hiệu lực; - Ngày hết hiệu lực; - Khóa công khai. 4. Thông tin điều chỉnh/bổ sung việc bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài của doanh nghiệp về:

		<ul style="list-style-type: none"> - Cửa hàng (địa chỉ); - Đại lý bán hàng cho doanh nghiệp (địa chỉ); - Các mặt hàng điều chỉnh, bổ sung; - Thông tin chữ ký số bao gồm: Số định danh chứng thư số; tên đơn vị cung cấp dịch vụ chứng thư số; tên người được cấp chứng thư số; ngày hiệu lực; ngày hết hiệu lực; khóa công khai; - Số điện thoại, số fax, email.
47	Quyết định về việc thanh toán cho ngân hàng thương mại	<ul style="list-style-type: none"> - Số, ngày quyết định. - Số tiền thanh toán: số tiền đã ứng trước, phí dịch vụ.
II.5. Thông tin do cơ quan hải quan cung cấp cho cơ quan thuế		
48	Số tiền thuế người nước ngoài được hoàn	<p>Chi tiết theo các chỉ tiêu:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đơn vị hải quan xác nhận 2. Thông tin hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế; ký hiệu, số, ngày tháng năm phát hành; tên doanh nghiệp bán hàng; mã số thuế doanh nghiệp; số tiền thuế GTGT ghi trên hóa đơn 3. Thông tin của ngân hàng: ngân hàng thực hiện hoàn, ngày hoàn, số tiền thuế ngân hàng đã ứng trước, số tiền phí dịch vụ ngân hàng được hưởng.

Phụ lục 11*(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)***BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Số: /TB- TCHQ

....., ngày ... tháng năm

THÔNG BÁO**Về sự cố kỹ thuật của Hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng
cho người nước ngoài của Tổng cục Hải quan**

Căn cứ khoản 5 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh.

Do sự cố kỹ thuật, Hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài sẽ tạm dừng hoạt động từ ngày.... tháng.... năm đến ngàytháng ... năm...

Tổ chức, đơn vị có liên quan cần biết thêm chi tiết, xin vui lòng truy cập theo đường dẫn: <http://www.customs.gov.vn> hoặc gọi điện tới số hotline: <024.39440833> để được hỗ trợ trực tiếp.

Tổng cục Hải quan thông báo để các tổ chức, đơn vị có liên quan được biết.

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

<ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu>